

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2024

V/v: Ly hôn giữa bà Hiền và ông Đức.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2. Bà Dương Thị Tố Như.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: **Số nhà A đường B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: **Số nhà I đường P, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.**

(Bà **H** và ông **Đ** đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Nguyễn Ngọc Đ** có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 28/5/1997. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà ông **Đ** ở **thành phố B, tỉnh Lâm Đồng** được khoảng 07 năm. Trong thời gian sống chung này vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Ông Đ đức tính gia trưởng, thường xuyên chửi mắng bà vô cớ, hai bên không còn sự tôn trọng nhau. Sau đó bà đã đưa con về nhà mẹ ruột tại huyện Đ sinh sống, sau đó ông Đ có lên huyện Đ xin lỗi bà và hứa sẽ thay đổi, vì con bà đã chấp nhận quay về tiếp tục chung sống với ông Đ nhưng ông Đ vẫn kiêu căng gây gổ và chửi mắng bà, xúc phạm cả gia đình bà, do vậy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Do mâu thuẫn nên bà cùng 02 con đã về huyện Đ sinh sống từ năm 2007, lâu lâu bà cho các cháu về B thăm bà nội chứ bà không ở lại. Ông Đ nhiều lần lên huyện Đ xin bà quay về nhưng bà không đồng ý thì ông Đ lại quậy phá, chửi mắng bà và gia đình bà, bà đã chịu đựng và bị tổn thương quá nhiều. Nay bà không còn tình cảm gì đối với ông Đ nữa, hôn nhân không có hạnh phúc. Bà đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 11/4/1998 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/6/2007 hiện nay đang sống với bà tại huyện Đ. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng;

Về tài sản chung: Bà khai không có.

Nợ chung: Bà khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày Uyên Huy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn và chung sống đúng như bà H trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường cho đến năm 2007 thì ông chuyển về thành phố B sinh sống làm ăn, còn bà H và các con vẫn sinh sống tại huyện Đ nhưng ông vẫn đi về giữa hai nơi thường xuyên. Trong quá trình sống chung vợ chồng tuy có cãi nhau qua lại nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Chỉ đến tháng 6/2023 thì do bất đồng về lời ăn tiếng nói, cách sống hàng ngày nên vợ chồng to tiếng cãi nhau, bà H tức giận đã ném đồ đạc của ông và đuổi ông đi, vì vậy ông đã bỏ về thành phố B sinh sống từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là đến đầu tháng 11/2023 do ông lên huyện Đ thăm bà H và các con, vợ chồng lại tiếp tục cãi nhau, trong lúc tức giận ông có đánh bà H, vì vậy bà H đã làm đơn xin ly hôn với ông. Hiện nay ông vẫn còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn, ông mong muốn bà H cho ông cơ hội để sửa đổi. Từ tháng 11/2023 cho đến nay ông không còn liên lạc được với bà H do bà H chặn điện thoại không nghe, hoàn cảnh của ông hiện nay khó khăn, mẹ già hay ốm đau nên từ tháng 11/2023 cho đến nay ông không về huyện Đ để thăm bà H và các con được.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung đúng như bà H trình bày. Hiện nay con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 11/4/1998 đã trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/6/2007 hiện nay đang sống với bà H tại huyện Đ. Con có nguyện vọng muốn ở với ai thì

ông tôn trọng ý kiến của con, ông có khả năng bao nhiêu thì cho con bấy nhiêu chứ ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông khai không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông khai không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/7/2024 nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bà **H** cương quyết xin được ly hôn ông **Đ** vì ông **Đ** đã làm bà tổn thương quá nhiều, bà không thể tiếp tục chung sống với ông **Đ** được nữa. Hai bên cũng không liên lạc và không còn tình cảm gì với nhau hơn một năm nay. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung tên **Nguyễn Anh K**, sinh ngày 15/6/2007 và không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng;

Tại phiên tòa, ông **Đ** tha thiết đề nghị Tòa án cho vợ chồng ông được về đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn với bà **H**.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **H** đối với ông **Đ**; Giao 01 con chung **Nguyễn Anh K**, sinh ngày 15/6/2007 cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét; Về án phí: buộc bà **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông **Nguyễn Ngọc Đ** có nơi cư trú tại địa chỉ **số I đường P, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà **Nguyễn Thị H** và ông **Nguyễn Ngọc Đ** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H và ông Đ bất đồng quan điểm sống, tính cách nên hay xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, trong lúc nóng giận ông Đ có đánh bà H, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, hàng xóm, người thân cho thấy vợ chồng bà H, ông Đ sống mỗi người mỗi nơi, lâu lâu ông Đ về huyện Đ thăm bà H và các con thì ông Đ hay gây gổ, chửi mắng vợ con. Mâu thuẫn đỉnh điểm là một năm gần đây ông Đ có về huyện Đ thăm bà H và các con nhưng hai bên xảy ra cãi vã, ông Đ có đánh bà H nên bà H đã làm đơn xin ly hôn. Mặt khác, cả ông Đ và bà H đều thừa nhận cả hai đã sống ly thân từ tháng 06/2023 cho đến nay không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà H và ông Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/6/2007 của bà H thấy rằng hiện nay cháu K đang sống cùng bà H tại huyện Đ, cháu có nguyện vọng được sống cùng bà H vì từ trước đến nay bà H vẫn là người chăm lo cho cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con nên giao con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/6/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà H và ông Đ khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà H và ông Đ đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/6/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 11/4/1998 đã trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định pháp luật nên không xem xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông Đ khai không có.

4. Về nợ chung: Bà H và ông Đ khai không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005996 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố Bảo Lộc;
- + T.H.A thành phố Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền